

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 77/2020/ HSST.

Ngày: 24/12/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Khắc Kiếm

Ông Lê Cát Tường

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Ninh Thị Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 24/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 90/2020/HSST ngày 24/11/2020. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo: **Trần Văn N** - sinh năm: 1989; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh T; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 03/12; Quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con ông Trần Văn H (đã chết) và con bà Hoàng Thị T; tiền án: Ngày 29/9/2017 bị TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 23/5/2018 (do thất lạc hồ sơ hồ sơ thi hành án dân sự, không xác minh được việc thu nộp án phí); Ngày 26/02/2019 bị TAND quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 22/12/2009 bị TAND quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 28/8/2009; Ngày 27/5/2011 bị UBND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1 (Nay là Cơ sở cai nghiện ma túy số 7) đến ngày 15/4/2015 chấp hành xong; Ngày 06/10/2015 bị Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 21/7/2020 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, tỉnh T khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” và đang tạm giam trong vụ án

Công an huyện Q khởi tố. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn T, xã Q, thành phố T. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 03h0 phút ngày 16/7/2020, Trần Văn N một mình đi lang thang trên địa bàn xã Q, thành phố T tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến khu vực nhà chị Nguyễn Thị N ở thôn T, xã Q, thành phố T thấy cửa nhà không đóng nên N nảy sinh ý định đột nhập vào nhà để trộm cắp tài sản. N trèo qua tường rào bằng gạch vào nhà, thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng biển kiểm soát 36B5 - 79003 đang dựng cạnh cửa chính có chìa khóa xe đang cắm ở ổ điện nên N lại gần mở cốp xe và lấy số tiền 5.000.000đ trong chiếc ví da màu nâu. Lấy được tiền N vứt lại chiếc ví cùng giấy tờ trên vali kéo để cạnh chiếc xe. Kiểm tra số tiền lấy được, gồm 15 tờ 200.000đ; 04 tờ 500.000đ, N chỉ tiêu cá nhân hết 2.400.000đ, còn lại 2.600.000đ ngày 17/7/2020 đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra.

Bị hại Nguyễn Thị N báo cáo, tài sản bị chiếm đoạt là 5.000.000đ tiền Việt Nam đồng, bao gồm: 15 tờ 200.000đ và 04 tờ 500.000đ.

Ngày 22/7/2020 Ngân hàng Nhà nước đã có công văn trả lời giám định số tiền 2.600.000đ còn lại, gồm 02 tờ 500.000đ và 08 tờ 200.000đ là tiền thật do Ngân hàng Nhà nước Việt N phát hành. Ngày 10/9/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại số tiền 2.600.000đ cho bị hại, chị N đã nhận lại số tiền và yêu cầu Trần Văn N trả tiếp số tiền 2.400.000đ.

Ngoài lần phạm tội nêu trên thì vào ngày 10/7/2020 Trần Văn N cùng với Viên Văn T - Sinh năm 1992, trú tại Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động của anh Mai Đình H, sinh năm: 1963 ở thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh T. Hiện vụ, việc đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Q thụ lý, giải quyết.

Cáo trạng số 353/CT - VKS - TPTH ngày 20/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố Trần Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm

g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ 36 đến 42 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Khoảng 03h0p ngày 16/7/2020 Trần Văn N đã lợi dụng sơ hở đột nhập vào nhà chị Nguyễn Thị N ở thôn T, xã Q thành phố T trộm cắp tiền mặt 5.000.000đ trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng biển kiểm soát 36B5 - 79003, N đem chi tiêu cá nhân 2.400.000đ, đến ngày 17/7/2020, N đã giao nộp 2.600.000đ còn lại cho Cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đã đánh giá đúng tính chất hành vi nguy hiểm của tội phạm, đồng thời vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn N đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” Vì bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS.

[3] Do có ý đồ phạm tội từ trước, bị cáo đi lang thang trên các đường phố mục đích là xem nơi nào có tài sản sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản để tìm cách đem đi tiêu thụ lấy tiền để chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến trật tự trị an nói chung, mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân nói riêng, cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

Trong vụ án này bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu đã nhiều lần bị xét xử về hành vi cùng loại, nên chứng tỏ rằng bị cáo xem thường pháp luật, ra trại không chịu cải sửa lại tiếp tục phạm tội, vì lẽ đó cần phải cách ly khỏi xã hội để bị cáo có thời gian cải tạo, sửa chữa sai phạm. Tuy nhiên khi lượng hình cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS là thành khẩn khai báo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.400.000đ, được bị cáo thừa nhận. Xét yêu cầu của bị hại là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ vào Điều 585, 589 của BLDS để buộc bị cáo phải trả cho bị hại theo yêu cầu trên.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a,d khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điều 585, 589 của BLDS; điểm a, d khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N 42(Bốn hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 2.400.000đ cho chị Nguyễn Thị N.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bồi thường, nếu bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 357 của BLDS.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại chị Nguyễn Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND TPTH;
- Công an TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh